

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Số: 01/2019/QĐST – HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dĩ An, ngày 21 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
Về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thắm – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên họp: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1271/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, về việc “yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2019/QĐST- TA ngày 07 tháng 01 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985; thường trú: 842/31/2/10 khu phố T, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: 65 Phạm Hữu L, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1972 và chị Phạm Thị N, sinh năm 1979; cùng trú tại: 842/31/2/10 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Tại đơn yêu cầu về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi ngày 01 tháng 11 năm 2018, và lời khai trong quá trình tố tụng chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Trần Hữu T1 là anh em ruột, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 842/31/2/10 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Trước đây, chị và anh Phạm Đình Q, sinh năm 1985, trú tại tỉnh Q thuê nhà trọ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, hai người có 01 con chung tên Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017. Quá trình chung sống thì giữa chị và anh Q xảy ra mâu thuẫn, anh Q bỏ ra ngoài sinh sống, không còn liên lạc gì với mẹ con chị và cháu N1 do một mình chị nuôi dưỡng, cháu được mang họ của mẹ. Vì thương con và mong muốn cho con có cuộc sống sung sướng nên chị đã làm thủ tục cho anh Trần Hữu T1 và chị Phạm Thị N làm con nuôi tại UBND phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 04, quyền số 01/2017 ngày 31/7/2017. Khi đó vợ chồng anh T1, chị N đã có 01 con riêng là con trai sinh năm 1998.

Do cháu N1 còn bú mẹ nên chị T và vợ chồng anh T1, chị N cùng thỏa thuận rằng chị T sẽ về sống chung nhà và trực tiếp chăm sóc cháu N1. Tuy nhiên, khi về sống chung được một thời gian thì giữa chị và chị N xảy ra mâu thuẫn nên chị phải dọn ra

ngoài sống riêng, giao cháu N1 cho vợ chồng anh T1, chị N nuôi dưỡng. Trước khi đi, chị T có đề nghị anh T1, chị N dành thời gian quan tâm, chăm sóc cháu N1 vì cháu còn nhỏ, chị được quyền đến thăm con bất cứ lúc nào và vợ chồng anh T1, chị N phải thông báo cho chị những vấn đề liên quan đến cháu N1 trong quá trình nuôi dưỡng cháu. Tuy nhiên, vợ chồng anh T1, chị N chỉ giữ lời hứa được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu cấm cản chị thăm con. Ngoài ra, vợ chồng anh T1, chị N còn có sự phân biệt đối xử giữa con nuôi và con đẻ. Cụ thể: Khi cháu N1 bị bệnh thì anh T1, chị N chỉ mua thuốc về cho cháu uống mà không chở đi bệnh viện khám. Trong khi vợ chồng anh T1, chị N đi làm thì cháu N1 được giao cho con trai của anh T1, chị N chăm sóc...Chị T đã nhắc nhở anh T1 và chị N dành thời gian quan tâm cháu N1 nhiều hơn vì cháu còn nhỏ nhưng vợ chồng anh T1, chị N cho rằng anh chị còn bận đi làm, cháu N1 chỉ bị bệnh nhẹ, không nghiêm trọng chỉ cần mua thuốc uống là tự khỏi. Hơn nữa, con trai anh chị đã lớn có thể chăm sóc cháu N1 được. Nhận thấy, vợ chồng anh T1, chị N không giữ lời hứa, không có sự quan tâm đúng mức đối với cháu N1, có sự phân biệt đối xử giữa con nuôi và con đẻ. Do đó, nếu tiếp tục để cho cháu N1 tiếp tục sống chung với anh T1, chị N sẽ không được quan tâm chăm sóc để phát triển toàn diện. Hiện nay, công việc của chị đã ổn định, chị có đủ điều kiện để nuôi con, chị và anh Q cũng đã quay về đoàn tụ lại với nhau nên chị đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng anh Trần Hữu T1, chị Phạm Thị N đối với cháu Trần Gia N1 để chị là mẹ ruột trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và làm người giám hộ cho cháu N1 theo quy định.

- Tại bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu T1, chị Phạm Thị N thống nhất trình bày:

Ngày 31/7/2017, tại UBND phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương anh T1 và chị N đã làm thủ tục nhận nuôi cháu Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017 là con ruột của chị Trần Thị Thanh T (em gái của anh T1) làm con nuôi. Trước khi nhận nuôi cháu N1 thì anh chị đã có một người con riêng, sinh năm 1998. Sau khi nhận nuôi cháu, anh chị đã cố gắng đối xử với cháu N1 như con ruột và đón chị T về sống chung để tiện chăm sóc. Tuy nhiên, sống chung nhà một thời gian thì giữa chị T và chị N phát sinh mâu thuẫn, chị T dọn ra ngoài sống riêng, giao cháu N1 cho anh chị chăm sóc. Do cháu còn nhỏ chưa đủ tuổi đi nhà trẻ nên thời gian đầu chị N phải tạm thời nghỉ việc để ở nhà chăm sóc cháu, mọi kinh tế trong gia đình do anh T1 đảm nhiệm. Sau đó, do mức lương công nhân bấp bênh, không đủ trang trải trong cuộc sống nên khi cháu N1 lớn hơn thì chị N bắt đầu đi làm trở lại để cùng phụ lo kinh tế với anh T1, giao cháu N1 cho con trai anh chị trông nom. Anh T1, chị N cũng thừa nhận đôi khi cũng có sự phân biệt giữa con nuôi và con đẻ nên không thể đối xử công bằng giữa cháu N1 và con trai anh chị. Nay anh T1 và chị N nhận thấy chị T đã có đủ điều kiện để nuôi con nên anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa giao cháu N1 cho chị T nuôi dưỡng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1986; địa chỉ: 842/21/2/4 khu phố T, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thể hiện:

Chị D là hàng xóm của anh Trần Hữu T1 và chị Phạm Thị N. Anh T1 và chị N có 01 người con trai, sinh năm 1998 nhưng vẫn làm thủ tục nhận cháu Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017 làm con nuôi. Chị Trần Thị Thanh T (mẹ ruột của cháu N1) về ở chung nhà với anh T1, chị N và chăm sóc cháu N1. Tuy nhiên, chung sống một thời gian thì chị T và chị N phát sinh mâu thuẫn, chị T dọn ra ngoài sống riêng. Thời gian đầu, chị N ở nhà chăm sóc cháu N1 nhưng sau đó thì giao cháu cho con trai của anh

chị giữ, anh T1 và chị N thường xuyên tăng ca về muộn, không còn thời gian chăm sóc cháu N1.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu của đương sự: Căn cứ ý kiến trình bày, các chứng cứ, tài liệu do người yêu cầu cung cấp, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp và tài liệu do Tòa án thu thập có căn cứ chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa anh Trần Hữu T1 và chị Phạm Thị N đối với cháu Trần Gia N1. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi là anh Trần Hữu T1, mẹ nuôi là chị Phạm Thị N đối với con nuôi là cháu Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017. Hiện nay anh T1, chị N và cháu N1 đang cư trú tại: 842/31/2/10 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Căn cứ giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyền số 01/2017 của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương công nhận việc anh Trần Hữu T1 và chị Phạm Thị N nhận cháu Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017, là con ruột của chị Trần Thị Thanh T làm con nuôi là hợp pháp. Quá trình tố tụng các bên đương sự đều xác định trong quá trình nuôi dưỡng cháu N1 thì anh T1 và chị N đã có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi. Cụ thể: Khi cháu N1 bị bệnh thì anh T1, chị N chỉ mua thuốc về cho cháu uống mà không chở đi bệnh viện khám. Trong khi vợ chồng anh T1, chị N đi làm thì cháu N1 được giao cho con trai của anh T1, chị N chăm sóc...Điều này được vợ chồng anh Trần Hữu T1 và chị Phạm Thị N thừa nhận phù hợp với kết quả xác minh đối với hàng xóm của anh T1, chị N. Căn cứ khoản 3, Điều 13 và khoản 4 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi, yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị T là có cơ sở chấp nhận, cần giao lại cháu N1 cho mẹ ruột là chị Trần Thị Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của cháu.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39, Điều 68, Điều 149, 150, 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, khoản 3, 6 Điều 13, Điều 25, khoản 1, 3 Điều 26, Điều 27 của Luật nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6, Điều 9, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội và tiểu mục 1 mục I phần B của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị Trần Thị Thanh T.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi anh Trần Hữu T1, mẹ nuôi chị Phạm Thị N với con nuôi là với con nuôi là cháu Trần Gia N1 theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01 quyền số 01/2017 ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Giao cháu Trần Gia N1, sinh ngày 28/4/2017 cho chị Trần Thị Thanh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đẻ đã chấm dứt theo quy định của pháp luật được khôi phục.

2. Về Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0027851 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có thể bị Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TX Dĩ An;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND phường B, thị xã D;
- Dương sự;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ trì phiên họp

Trần Thị Thắm